

Thành phố Huế, ngày 22 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 723/2022/TLST/HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 18 kiệt 47 đường A, tổ 3, khu vực 1, phường B, thành phố C, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- **Bị đơn:** Anh Lê Nguyễn Đình V, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 59 đường D, phường Đ, thành phố C, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Mỹ L và anh Lê Nguyễn Đình V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Trần Thị Mỹ L và anh Lê Nguyễn Đình V quá trình chung sống sinh được 01 con chung tên là Lê Minh A, sinh ngày 23/5/2019. Hiện nay, cháu Lê Minh A đang sống cùng với chị L.

Nay ly hôn, hai bên đương sự tự nguyện thoả thuận về con chung như sau: Giao cháu Lê Minh A, sinh ngày 23/5/2019 cho chị Trần Thị Mỹ L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Lê Nguyễn Đình V không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Mỹ L và anh Lê Nguyễn Đình V cùng công nhận không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 150.000 đồng. Chị Trần Thị Mỹ L phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn và anh Lê Nguyễn Đình V phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng chị L và anh V tự nguyện thỏa thuận chị L chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nên hoàn trả cho chị L số tiền chênh lệch án phí dân sự sơ thẩm 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) căn cứ biên lai số 0004607 ngày 19/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- CC THADS thành phố Huế;
- UBND phường Thủy Xuân, thành phố Huế;
(ĐKKH số 40, ngày 06/8/2021)
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán.

THẨM PHÁN

Trần Thị Huê